

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TẬP QUÁN SỬ DỤNG NƯỚC CỦA NGƯỜI Ê-ĐÊ (QUA TÌM HIỂU TẠI XÃ EA H'ĐÌNH, HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐĂK LĂK)

NGUYỄN TRƯỜNG GIANG

Bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước đang là vấn đề quan trọng và cấp thiết ở Tây Nguyên. Vài thập niên gần đây, những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp đã có hiệu quả tích cực, nâng cao đời sống các dân tộc tại địa phương. Nhưng sự thay đổi này cũng ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và văn hoá, cụ thể là sự suy kiệt nguồn nước tự nhiên và tình trạng quên lãng các nghi lễ, tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc tại chỗ ở Tây Nguyên liên quan đến bảo vệ, khai thác nguồn nước.

Đối với các dân tộc ở Tây Nguyên nói chung, nước là yếu tố quan trọng, gắn bó rất mật thiết với đời sống của họ. Trong lịch sử của người Gia-rai, dân tộc có nhiều nét văn hoá và lịch sử tương đồng với người Ê-đê, người ta cũng thường nhắc tới hai vị thủ lĩnh mang danh “vua” là *Pơ Tao Ia* (Vua nước) và *Pơ Tao Pui* (Vua lửa), và sử liệu thời phong kiến Việt Nam cũng ghi nhận hai vị vua này với danh hiệu Thủy Xá, Hoả Xá. Đối với người Ê-đê, sự gắn bó với nguồn nước lại được thể hiện qua tên làng, tên đất

ngay từ thửa ban đầu lập buôn làng như: EaTam, Ea Súp, Ea H'leo, Ea Hiệp ... (tiền tố *ea* trong tiếng Ê-đê có nghĩa là *nước*). Có thể nói rằng, nguồn nước là yếu tố thiết yếu đầu tiên để người Ê-đê lập làng và định cư trên một vùng đất xác định. Tuy nhiên, tập quán sử dụng nước của người Ê-đê ngày nay so với truyền thống đã có nhiều thay đổi. Vì vậy, chúng tôi chọn xã Ea H'đình, huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk tiến hành nghiên cứu để xem xét những giá trị truyền thống cũng như thay đổi về tập quán sử dụng nước của dân tộc Ê-đê ở đây trong sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp; qua đó, sẽ thấy được tác động của sự thay đổi đến văn hoá và môi trường sống của họ.

1. TRUYỀN THUYẾT VÀ LUẬT TỤC LIÊN QUAN ĐẾN NƯỚC

1.1. Vài nét về địa bàn nghiên cứu

Ea H'đình là một trong 15 xã, thị trấn nằm ở trung tâm huyện Cư M'gar, cách thành phố Buôn Ma Thuột khoảng 40km. Xã có diện tích 42,3 km², với dân số 7.711 người (mật độ: >180 người/1km²), gồm 6 thôn- buôn (xem Bảng 1).

Bảng 1: Các thôn-buôn và dân số của xã Ea H'đình

| Nhân khẩu | Số hộ | Số khẩu |
|-------------------|-------|---------|
| Thôn- buôn | | |
| Thôn 1 | 116 | 490 |
| Buôn Ea Sang | 493 | 2.380 |
| Buôn Jok | 250 | 1.405 |
| Buôn Trấp | 310 | 1.693 |
| Buôn H'đình | 234 | 1.381 |

| | | |
|------------|-------|-------|
| Buôn Drang | 58 | 362 |
| Cộng | 1.461 | 7.711 |

Nguồn: Số liệu thống kê xã Ea H'đinh năm 2000

Trong số 6 thôn-buôn, buôn Drang là buôn người Mnông mới định cư năm 1967; Thôn 1 là thôn người Kinh thành lập năm 1980, sau khi Nhà nước có chủ trương đưa dân lên Tây Nguyên làm kinh tế mới; 4 buôn Ê-đê còn lại là những buôn định cư lâu đời. Hệ thống thủy văn của xã chỉ có một con suối Ea Dinh được hợp lưu bởi 2 dòng suối nhỏ là Ea Pal và Ea Sur chảy qua địa bàn 3 buôn người Ê-đê, với tổng diện tích mặt nước là 102,7 ha. Về cơ cấu dân cư - dân tộc, người Ê-đê chiếm gần 90%⁽¹⁾ so với số dân của toàn xã, do vậy chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu ở 4 buôn người Ê-đê.

1.2. Truyền thuyết và những luật tục

Giống như những người Ê-đê sinh sống trên cao nguyên Đăk Lăk, trong văn hoá tinh thần của người Ê-đê xã Ea H'đinh còn chứa đựng nhiều truyền thuyết, tín ngưỡng, luật tục liên quan đến nước. Theo quan niệm của họ thì nước cũng từ đất mà ra. Đất, nước do các thần *Ae Du*, *Ae Die* - vị thần tối cao trong hệ thống thần linh của người Ê-đê - sáng tạo ra, và có quan hệ chặt chẽ với nhau⁽²⁾. Mặc dù trong xã hội cổ truyền người Ê-đê chưa có sự phân hoá cao nhưng trong buôn làng đã hình thành tầng lớp *Khoa Pin Ea* (chủ bến nước). Theo truyền thống thì *Khoa Pin Ea* được dân làng bầu lên vì là người đầu tiên tìm ra nguồn nước, xây dựng bến nước và thành lập buôn làng. Trên thực tế, *Khoa Pin Ea* ngoài chức năng quản lý bến nước còn điều hành tất cả các công việc quan trọng của buôn làng, từ sản xuất, quân sự, xử kiện đến thần quyền. Tài liệu Dân tộc học cho thấy trước đây các *Khoa Pin Ea*

giàu có, nhiều thế lực có ảnh hưởng đến một vùng rộng lớn được gọi là tù trưởng (*Mtao*)⁽³⁾. Nhưng từ đầu thế kỷ XX trở lại đây, *Khoa Pin Ea* chỉ còn thực hiện các chức năng thần quyền với hình thức làm chủ bến nước và tổ chức cúng bến nước trong buôn làng. Tuy nhiên, *Khoa Pin Ea* có những ảnh hưởng ít nhiều đối với công việc buôn làng. Khi giải quyết công việc chung thường phải có sự thống nhất của *Pô lăn* (chủ đất) và *Khoa Pin Ea* (chủ bến nước).

Theo hồi tưởng của một số người già trong xã Ea H'đinh, trước đây vào dịp đầu năm buôn làng có tổ chức lễ cúng nguồn nước gọi là *Tuk Pin Ea*. Đây là dịp lễ lớn của buôn làng và được tổ chức cúng trọng thể trong 3 ngày tại bến nước. Ngày thứ nhất, người ta dọn dẹp và sửa chữa lại các máng nước, các cầu đứng tắm, ống dẫn nước rồi giết lợn, mổ trâu cúng các thần đất và thần nước (*Ae Du*, *Ae Die*). Buôn cử ra 6 người chia thành 2 nhóm lo việc cúng, mỗi nhóm do một thầy cúng phụ trách. Nhóm đầu tổ chức cúng ở quãng giữa đường từ buôn xuống bến nước, nhóm thứ hai cúng tại bến nước. Thầy cúng của nhóm đầu chít khăn đỏ, mặc áo cúng (*kiamih*), tay cầm bát rượu pha với tiết lợn. Thầy cúng đổ rượu vào ống nước rồi khấn mời nước về. Trong lúc cúng, có một người tay cầm khiên và giáo múa làm phép đuổi ma dữ, rồi tất cả người tham dự kéo nhau về nhà chủ bến nước uống rượu. Ngày thứ hai, ở mỗi gia đình có tổ chức lễ cúng ngay tại nhà. Thầy cúng được mời đến từng nhà làm lễ. Trong lúc tiến hành nghi lễ cúng nước, mọi ngã đường dẫn đến buôn đều cắm đi lại với dấu hiệu: chẵn cây ngang

đường, buộc bông gòn lên cây, buộc lông gà vào sợi chỉ treo ở các hàng rào quanh nhà... Đến ngày thứ ba thì tổ chức cúng chung cả buôn nhưng lễ vật chỉ là ché rượu và con gà. Cúng xong, mọi người mở rào phá bỏ cây chắn đường, gỡ hết các dấu hiệu cấm. Trong thời gian làm lễ người trong buôn kiêng đi bắt cá, đuổi chim, kiêng đánh chửi nhau.

Trước đây, người Ê-đê ở xã Ea H'đinh còn có những luật tục trong bảo vệ nguồn nước. Đó là việc cấm người dân xúc phạm danh dự *Khoa Pin Ea*, đồng thời quy định những công việc mà *Khoa Pin Ea* phải hoàn thành trước buôn làng như tổ chức lễ cúng thần nước, sửa sang bến nước...; cấm mọi người chăn thả trâu bò ở đầu nguồn nước, ở xung quanh bến nước vì trâu bò làm hỏng bến nước, làm uế tạp nguồn nước sạch; cấm chặt những cây cổ thụ mọc ở bến nước vì cây giữ bóng mát và bảo vệ nguồn nước. Ai vi phạm các điều quy định trên, tùy theo mức độ nặng nhẹ mà dân làng phạt người vi phạm lao động công ích hay phạt bằng hiện vật, như phải nộp lợn, bò hoặc trâu.

Trong đám cưới, người Ê-đê tại xã Ea H'đinh còn có tục hắt nước vào cò dâu, chú rể. Nước được mọi người tham dự lễ cưới đựng đầy vỏ bầu, khi lễ đón rể được khởi hành, người ta chạy đằng trước hắt nước vào người cô dâu chú rể. Theo quan niệm của họ, đám cưới nào có nhiều người té nước thì đời vợ chồng đó sẽ có nhiều may mắn, hạnh phúc và khi nhắm mắt xuôi tay lại càng có nhiều người thương nhớ. Đây rất có thể là dấu vết của lễ cầu mưa của cư dân nông nghiệp cổ xưa.

2. TẬP QUÁN SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SINH HOẠT

Các buôn Ea Sang, buôn Jok, buôn Tráp, buôn H'đinh đều là những buôn định cư lâu

đời. Do vậy, theo truyền thống của người Ê-đê, buôn được lập trên một khoảng đất rộng, khá bằng phẳng và ở gần nguồn nước tự nhiên. Trong 4 buôn kể trên, các buôn Ea Sang, Jok, H'đinh đều có bến nước riêng, chỉ có buôn Tráp phải dùng chung bến nước với buôn Ea Sang. Nước phục vụ nhu cầu ăn uống và tắm giặt phần lớn đều được lấy từ các bến nước này. Bến nước hay giếng nước, giọt nước (*Pin Ea*) đều là tên gọi nơi có mạch nước ngầm chảy ra và chỗ này thường nằm dưới rừng cây cổ thụ. Ở đó, dân làng xây dựng thành bến nước chung dành cho sinh hoạt cộng đồng. Tùy theo bến nước đó có nguồn nước nhiều hay ít, nước chảy yếu hay mạnh mà người ta phân chia thành các loại nguồn dùng cho tắm giặt và ăn uống. Hệ thống dẫn nước được làm đơn giản, đó là những đoạn lô-ô đục thủng, cắt thành các đoạn rồi cắm thẳng vào mạch nước. Đoạn lô-ô dài để dẫn nguồn nước ăn bao giờ cũng được cắm ở bên trên đoạn lô-ô ngăn dẫn nguồn nước dùng cho tắm giặt. Người Ê-đê có thói quen tắm giặt ở bến nước vào mỗi buổi chiều sau khi đi rẫy, đi rừng về. Tại mỗi bến nước, nơi dùng cho tắm giặt được chia thành hai khu vực riêng biệt: khu dành cho nam giới và nữ giới. Tại khu dành cho nữ giới, người ta thường khoét sâu một khoảng vào vách đất để cho kín đáo. Để đi lại dễ dàng và làm nơi giặt giũ, người ta thường đẽo phẳng một vài thân cây gỗ tốt rồi ghép lại và đặt trên bề mặt của bến nước. Tại mỗi buôn làng, bến nước không những là nơi cung cấp nước đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho ăn uống và tắm giặt mà còn trở thành địa điểm sinh hoạt văn hoá, thực hiện chức năng giao tiếp xã hội trong cộng đồng, như kể chuyện, bày tỏ tâm tình, trao đổi kinh nghiệm sản xuất...

Nói đến tập quán sử dụng nước của người Ê-đê trong sinh hoạt, đặc biệt trong ăn uống không thể không nói đến vỏ bầu (*get - ea*) - vật dụng đựng nước quen thuộc của bất cứ gia đình nào trong mỗi buôn làng. Khi trồng bầu trên rẫy người ta trộn lẫn hạt bầu với hạt lúa giống rồi gieo cùng lúc. Lúc thu hoạch lúa người ta để lại một số quả bầu trên rẫy. Những quả bầu này để cho già, sau đó được khoét bỏ phần ruột, chỉ giữ lại phần vỏ rồi đem ngâm xuống suối vài ngày cho chất nhựa đắng nhạt đi. Cuối cùng người ta dùng một thứ lá có tên là *hla-nenh* vò nát, chà xát vào vỏ bầu cho vỏ có độ cứng và láng bóng. Mỗi gia đình người Ê-đê có chừng vài chục vỏ bầu. Khi đi lấy nước người ta bỏ vỏ bầu vào dây gùi, hứng nước vào vỏ bầu cho thật đầy rồi dùng lá nút kín để vận chuyển về nhà. Tại mỗi gia đình vỏ bầu được đặt trong các giá đựng nước ở sát vách nhà, hoặc được đặt xung quanh bếp nấu ăn. Trong những buổi đi rẫy, đi rừng người

Ê-đê có thói quen mang theo bầu nước để uống khi khát. Nước uống lấy từ mạch nước, lại chứa trong vỏ bầu nên rất mát, dù mang đi đường xa hay dưới trời nắng nóng. Người Ê-đê cũng dự trữ nước vào lu, hũ, các nồi đất nhưng chỉ để rửa rau và phục vụ những sinh hoạt khác, còn nước ăn uống chủ yếu lấy từ nước dự trữ trong những vỏ bầu.

Khoảng 10 năm gần đây, bên cạnh tập quán cũ, việc sử dụng nước trong sinh hoạt của người Ê-đê xã Ea H'đinh đã có nhiều thay đổi. Sự thay đổi đó được biểu hiện: đã có 1023 / 1287 hộ người Ê-đê (82%) tại xã dùng nước của giếng khoan tại nhà, vì thế, chủ thể quản lý nguồn nước trong sinh hoạt vượt ra ngoài khuôn khổ của cộng đồng. Chúng tôi đã chọn thời điểm mùa khô để tiến hành điều tra, đồng thời so sánh với tập quán sử dụng nước trước đây tại một vài gia đình trong buôn. Những thay đổi đó được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2: So sánh việc sử dụng nước trong sinh hoạt (điều tra tại buôn H'đinh)

| Cách thức sử dụng | Nguồn nước sử dụng | |
|-------------------------------|--|---------------------------|
| | Giếng gia đình | Bến nước làng |
| 1. Khoảng cách tới nguồn nước | 5 – 10m | 100 – 1000m |
| 2. Thời gian | | |
| - Thời điểm | Theo nhu cầu | Sáng sớm, chiều tối |
| - Số lần/ngày | Theo nhu cầu | 4 lần/ngày |
| 3. Lượng nước sử dụng | Không xác định (công suất máy/ h) | 4 lít- 6 lít/người/ngày |
| 4. Người tham gia lấy nước | Mọi người trong gia đình | Phụ nữ, trẻ em là chủ yếu |
| 5. Dụng cụ lấy nước | Máy bơm, máy quay tay, can nhựa, chai | Vỏ bầu |
| 6. Chủ thể quản lý nguồn nước | Hộ gia đình | Chủ bến nước, cộng đồng |
| 7. Biện pháp bảo vệ | | Cộng đồng và luật tục |

Qua bảng so sánh trên có thể đưa ra một số nhận xét sau:

Tập quán sử dụng nước của người Ê-đê đã có nhiều thay đổi. Sự xuất hiện của giếng nước gia đình đã rút ngắn thời gian khai thác, rút ngắn khoảng cách tới nguồn nước. Phương tiện và dụng cụ khai thác nước của người dân có nhiều loại, bằng nhiều chất liệu, thuận tiện hơn so với cách thức khai thác truyền thống. Tuy nhiên khối lượng nước ngầm trong lòng đất bị khai thác bằng máy móc hiện đại với cường độ lớn không thể kiểm soát được. Việc ra đời của giếng nước gia đình cũng thay đổi hình thức quản lý nguồn nước.

3. TẬP QUÁN SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Trước đây trong sản xuất nông nghiệp, người Ê-đê xã Ea H'đinh canh tác lúa rẫy là chủ yếu, và đó cũng là nguồn sống chính của đồng bào. Người Ê-đê thường chọn các khu đất bằng phẳng ven suối Ea H'đinh, hoặc ven các khe nước để canh tác vì nơi này đất nhiều mùn và được coi là đất tốt. Việc canh tác lúa rẫy phụ thuộc vào mùa mưa nên người Ê-đê tra hạt vào cuối tháng 4 đầu tháng 5 - khi có những cơn mưa đầu mùa đổ xuống. Hiện nay, diện tích đất rẫy để gieo trồng lúa của toàn xã là 766,2 ha, trong khi diện tích lúa nước của họ chỉ có 118,4 ha⁽⁴⁾. Sản lượng lúa rẫy năm 2000 đạt gần 400 tấn. Nhìn chung, lúa rẫy vẫn là nguồn lương thực chính nuôi sống người Ê-đê trong xã.

Lúa nước đã được người Ê-đê ở đây canh tác từ khá lâu. Diện tích đất trồng lúa nước được mở rộng trên những vùng đất thấp dọc theo con suối Ea H'đinh. Trong mùa mưa, nước suối dâng tràn vào vùng đất này là thời điểm thuận lợi cho việc gieo trồng cây lúa nước. Mùa cấy lúa cũng trùng với thời gian tra hạt của lúa rẫy và thu hoạch vào tháng 9. Để làm đất, trước đây đồng bào

không dùng cày bừa mà chỉ dùng trâu quần - một hình thức làm đất đơn giản mà nhiều dân tộc khác cũng áp dụng. Vào mùa mưa, khi có nước, người ta lùa từ 5 đến 7 con trâu ra ruộng. Lúc đầu, họ để trâu đi ven bờ, sau đó cho đi vòng tròn quanh ruộng (theo cả hai chiều thuận và ngược). Một thửa ruộng được trâu quần từ 2 đến 3 lần, mỗi lần từ 3 đến 4 giờ đồng hồ sẽ nhuyễn đất, phẳng ruộng và có thể cấy được lúa. Để giữ nước cho ruộng, người dân Ê-đê cũng đắp bờ. Sau khi làm đất khoảng 1 tuần người ta xả nước vào ruộng và giữ nước cao ở mức 15 - 20 cm so với mặt ruộng. Khi lúa chắc hạt, nơi nào còn ngập nước thì họ tháo nước ra suối để dễ dàng thu hoạch. Hiện nay, trong số 118,4 ha đất trồng lúa, có 92,9 ha lúa nước 1 vụ và 25, 5 ha lúa nước 2 vụ. Những ruộng lúa canh tác được 2 vụ là do người dân áp dụng một số biện pháp thủy lợi như: khai mương dẫn nước, bắc đường ống thô sơ ở nơi đất trũng. Riêng sản lượng lúa nước thu hoạch được trong năm 2000 là 278 tấn⁽⁵⁾. Có thể nhận thấy, trong truyền thống cũng như hiện tại, canh tác lúa rẫy và lúa ruộng của người Ê-đê đều phụ thuộc vào nguồn nước trời hoặc nước suối.

Trong vài năm gần đây, tập quán sử dụng nước trong sản xuất nông nghiệp của người Ê-đê tại xã Ea H'đinh có nhiều thay đổi so với truyền thống. Sự thay đổi này xuất phát từ nguồn lợi kinh tế mà người Ê-đê thu được từ cây cà phê có giá trị lớn gấp nhiều lần so với nguồn lợi thu được từ lúa, hoa màu. Do vậy, diện tích canh tác rẫy, ruộng và hoa màu ngày càng bị thu nhỏ để tăng diện tích đất trồng cà phê - thứ cây khi phát triển cần nhiều nước.

Đối với người Ê-đê ở Đăk Lăk nói chung và người Ê-đê tại xã Ea H'đinh nói riêng, cà phê không phải là loại cây trồng xa lạ. Ngay từ đầu thế kỷ 19, các linh mục ngoại quốc đã lấy giống cây này từ Indônêxia đem về trồng tại các vùng cao

nguyên miền Trung⁽⁶⁾. Đầu thế kỷ 20, cây cà phê chưa có ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế của người dân Ê-đê tại Đăk Lăk vì loại cây này mới chỉ được trồng trong các đồn điền của người Pháp mà đa số công nhân đồn điền là người Kinh. Cuối năm 1953 diện tích trồng cà phê trên toàn cao nguyên mới chỉ có 2.116 ha và sản lượng đạt 1.776 tấn⁽⁷⁾. Đầu năm 1980 diện tích trồng cây cà phê của Tây Nguyên là 10.000 ha nhưng do không đảm bảo được nhu cầu kinh tế nên phải thanh lý tới 60-70%⁽⁸⁾. Năm 1985, toàn tỉnh có diện tích trồng cà phê là 54.000 ha, đến năm 1997 đã lên tới 135.000 ha, tăng 2,5 lần và chiếm 53,24% tổng diện tích cà phê trong cả nước. Diện tích trồng cà phê tại huyện Cư M'gar trong vòng 10 năm qua cũng tăng lên đáng kể: năm 1990 mới có 6.100 ha, năm 1992 có 9.400ha, năm 1996 có 21.419 ha, năm 2000 là 35.461 ha⁽⁹⁾. Như vậy, trong vòng 10 năm (1990-2000) diện tích cà phê của huyện tăng 5,6 lần. Tại huyện Cư M'Gar, 15 xã, thị trấn trong huyện đều có diện tích trồng cà phê; bình quân mỗi xã có trên 2.500ha. Với xã EaH'đinh thì ưu thế phát triển của cây cà phê so với cây lúa rẫy, lúa nước, rừng trồng là quá vượt trội, phần nào phản ánh quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng công nghiệp đã phá thế độc canh

cây lúa. Theo thống kê, diện tích đất tự nhiên của xã là 4.106 ha, trong đó diện tích đất trồng cây cà phê là 1.923,3 ha, chiếm gần 47% diện tích đất tự nhiên, trong khi diện tích trồng lúa rẫy có 776,2 ha, trồng lúa nước là 118 ha, đất rừng tự nhiên là 0,0, đất rừng đặc dụng - 0,0, rừng trồng mới 38,4 ha⁽¹⁰⁾. Trong số 1.287 hộ tại xã EaH'đinh hộ nào cũng có diện tích trồng cây cà phê, ít nhất là 2 sào (2.000 m²), cho thu nhập từ 10-15 triệu đồng/năm. Số hộ có trên 5 ha cà phê mỗi năm thu nhập hàng trăm triệu đồng (thời điểm năm 1999). Phải nói rằng, nguồn lợi mà cây cà phê mang lại cho mỗi hộ gia đình rất lớn; nhiều hộ gia đình đã chuyển toàn bộ diện tích trồng lúa rẫy sang trồng cây cà phê.

Cây cà phê tại xã Ea H'đinh trên thực tế chiếm diện tích quá lớn so với diện tích các cây trồng khác, nên nước tưới cà phê trong thời gian trồng và thu hoạch đòi hỏi phải có khối lượng lớn. Diện tích mặt nước suối của xã chỉ có 106,7 ha, dòng chảy lại không qua tất cả các buôn nên không đáp ứng được nhu cầu tưới tiêu cà phê của các hộ trong xã. Do vậy, các gia đình người Ê-đê vừa sử dụng nguồn nước sông suối trong điều kiện có thể, vừa khoan giếng để lấy nước ngầm tưới cà phê. Chúng tôi điều tra 4 hộ tại buôn Ea Sang, cho kết quả như sau:

Bảng 3: Sử dụng nước tưới cà phê ở buôn Ea Sang

| Buôn | Tên chủ hộ | Diện tích cà phê (m ²) | Nguồn nước sử dụng | | Công cụ khai thác cơ giới | Nhiên liệu sử dụng |
|---------|------------|------------------------------------|--------------------|-----------|---|--------------------|
| | | | Nước mặt | Nước ngầm | | |
| Ea Sang | Ma Tuyeh | 12.000 | Suối Ea Sur | Giếng đào | Máy nổ 16 mã lực, 50 m đường ống dẫn nước f50 | 90 lít dầu /1lần |
| | H'Duê | 5000 | Suối Ea Pal | Giếng đào | Máy D8, 30m đường ống dẫn nước f50 | 40lít/ 1lần |
| | H'Na | 3000 | Suối Ea Pal | | Thuê máy | 25 giờ |
| | Ma Sơn | 6000 | Suối Ea Pal | Giếng đào | Máy nổ 16 mã lực, 35m đường ống dẫn nước f50 | 25lít/1lần |

Qua bảng trên cho thấy, người dân Ê-đê tại xã Ea H'đinh đã khai thác triệt để nguồn nước tự nhiên (nước mặt) và nguồn nước ngầm (giếng đào) bằng các phương tiện máy móc hiện đại với đường ống dẫn tới khắp các rẫy cà phê, khai thác một lượng nước lớn để phát triển cây cà phê. Theo tính toán của một số hộ Ê-đê trồng cà phê thì với 1ha cà phê, trong 1 chu kỳ thu hoạch phải tưới 4 lần và cần đến một lượng nước từ 2.800m³ đến 3.200m³ (800m³ cho 2 lần đầu và 600m³ cho hai lần sau). Như vậy, với 1.923 ha cà phê của xã Ea H'đinh, mỗi vụ cần từ 1.153.800m³ - 1.538.400m³ nước - một khối lượng nước quá lớn.

4. NGUYÊN NHÂN THAY ĐỔI TẬP QUÁN SỬ DỤNG NƯỚC VÀ SỰ TÁC ĐỘNG TỚI VĂN HOÁ VÀ MÔI TRƯỜNG

4.1. Nguyên nhân

Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi tập quán sử dụng nước trong sinh hoạt của người Ê-đê tại Ea H'đinh trong khoảng 10 năm gần đây bắt nguồn từ những chuyển biến về kinh tế - xã hội. Quá trình chuyển biến này thúc đẩy nhanh chóng việc phá vỡ cơ cấu "đại gia đình" và hình thành nên các gia đình nhỏ một vợ một chồng và con cái, góp phần tạo nên sự biến đổi sâu sắc trong đời sống, mà chính sách định canh định cư với việc giao ruộng đất cho từng hộ dân trong buôn làng là nguyên nhân của sự thay đổi này. Trước đây, người Ê-đê có tập quán ở thành làng bao gồm nhiều ngôi nhà dài và gần nguồn nước sinh hoạt. Trong ngôi nhà dài của "đại gia đình mẫu hệ", từng cặp vợ chồng sinh sống trong những *ók* (buồng nhỏ). Ngày nay, nhiều cặp vợ chồng đã tự tách khỏi ngôi nhà dài truyền thống để tạo thành những hộ riêng biệt, làm nhà trên những mảnh đất được chia,

xa nguồn nước sinh hoạt công cộng của buôn làng. Một nguyên nhân cơ bản nữa cũng dẫn đến sự thay đổi tập quán sử dụng nước trong sinh hoạt là quá trình tăng dân số tự nhiên với tốc độ quá nhanh. Huyện Cư M'gar, nếu vào năm 1983 - thời điểm bắt đầu thành lập huyện, có tổng dân số là 45.602 người thì đến năm 1999 có tới 138.966 người⁽¹¹⁾. Tại xã Ea H'đinh, dân số trong vòng vài chục năm qua cũng tăng lên đáng kể, do tăng tự nhiên và do di dân (như sự di dân đến xã của dân tộc Mnông vào năm 1967 và của người Kinh từ năm 1980 và những năm tiếp theo). Do dân số tăng nhanh, nhu cầu sử dụng nước ngày một nhiều. Để tiện cho sinh hoạt, các hộ đã tự khoan lấy giếng nước ngay trong vườn của mình, rồi dùng máy bơm điện, máy bơm tay khai thác nguồn nước ngầm.

Có thể nói, sự phát triển diện tích của cây cà phê là nguyên nhân cơ bản nhất dẫn đến những thay đổi tập quán sử dụng nước trong sản xuất nông nghiệp. Nhưng nguyên nhân của tăng diện tích cây cà phê là do tác động của kinh tế thị trường. Vì thế, cây cà phê có vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống người dân Ê-đê tại xã Ea H'đinh cũng như ở tỉnh Đăk Lăk. Tại tỉnh này, cả 18 huyện, thành phố đều có cà phê; có 162 / 184 xã trồng cà phê; bình quân mỗi xã có 700 ha, mỗi huyện có 7.000 ha cây cà phê. Năm 1995 sản phẩm cà phê Đăk Lăk đã được xuất khẩu ra thị trường 30 nước, với gần 74.000 tấn, đạt kim ngạch hơn 195 triệu USD⁽¹²⁾. Người Ê-đê tại xã Ea H'đinh nhận thấy thu nhập từ 1 sào cà phê cao gấp 12 - 15 lần so với thu nhập từ 1 sào lúa rẫy, nên nhiều hộ đã chuyển đổi đất rẫy thành đất trồng cà phê. Họ đầu tư thời gian, tiền của với hệ thống giếng khoan, bơm nước và đường ống dẫn nước hiện đại để phát triển

cà phê mà không tính đến khả năng tưới nước cũng như nguồn nước có thể đáp ứng.

4.2. Những tác động tiêu cực tới văn hoá và môi trường

Bên cạnh những tác động tích cực, nhất là việc nâng cao đời sống kinh tế - xã hội, sự thay đổi tập quán sử dụng nước trong sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp của người Ê-đê cũng tạo nên những tác động tiêu cực đối với văn hoá và môi trường.

Trong khoảng 20 năm trở lại đây, người dân Ê-đê xã Ea H'đinh không còn tổ chức lễ cúng thần nước, bến nước ở buôn làng trong mỗi dịp đầu năm mới. Những phong tục này giờ đây chỉ còn trong kí ức của số ít người già. Các nghi lễ như cầu mưa, nuôi suối, té nước trong lễ đón rể cũng bị lãng quên dần. Vai trò của *Khoa Pin Ea* (chủ bến nước) cũng không còn ảnh hưởng lớn đến cộng đồng. Nếu loại bỏ những yếu tố mê tín, loại bỏ các thủ tục gây phiền nhiễu, tốn kém thời gian tiền bạc, thì việc dựa vào uy tín của *Khoa Pin Ea*, kết hợp với luật tục của buôn làng vẫn có tác dụng để quản lý, bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên, như tài nguyên rừng, tài nguyên nước... một cách hữu hiệu. Việc xuất hiện giếng khoan trong từng hộ gia đình cũng đồng nghĩa với việc người dân từ bỏ bến nước của buôn làng, từ bỏ thói quen coi bến nước là địa điểm sinh hoạt văn hoá cộng đồng, nơi có thể tâm tình cũng như trao đổi kinh nghiệm trong lao động sản xuất, trong cuộc sống.

Về môi trường, những thay đổi tập quán sử dụng nước trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là việc tăng diện tích cây cà phê đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Nhìn một cách toàn diện thì "Tây Nguyên là nơi tập trung rừng phòng hộ cho các tỉnh miền

Trung và Đông Nam Bộ. Nạn khai thác gỗ bừa bãi cộng với việc mở rộng diện tích cây cà phê... đã làm giảm diện tích rừng rất nhanh. Kết quả là không những thiếu nước sản xuất, mà ngay nước sinh hoạt trong mùa khô cũng rất khó khăn"⁽¹³⁾. Thêm một dẫn chứng nữa: "Ở Đăk Lăk, mùa khô năm 1995 hầu hết các công trình thủy lợi và nguồn nước ở các sông suối bị khô hạn hoặc bị giảm lưu lượng xuống thấp làm cho nhiều diện tích lúa đông xuân và cà phê không còn nước tưới. Có hai nguồn nước cung cấp cho thành phố, thì nguồn Ea Kao (10.000m³ / ngày) bị khô kiệt hoàn toàn, chỉ còn có nguồn nước ngầm Ta Cô Tam, nhưng chỉ cung cấp 3.000m³ / ngày mới đáp ứng được 20% nhu cầu"⁽¹⁴⁾. Tại xã Ea H'đinh, do có quá nhiều hộ đào giếng lấy nước dùng cho sinh hoạt và tưới cà phê nên đã dẫn đến tình trạng tụt mạch nước ngầm trong lòng đất. Trước đây, khi khoan giếng người ta chỉ cần khoan từ 10-15 m là có thể tới mạch nước. Nhưng nay, tình hình đã khác, có khi phải khoan sâu từ 40-50 mét mới tới mạch nước, đó còn chưa kể nhiều nơi nước bị nhiễm sắt (fe) rất nặng, với biểu hiện bề mặt nước giếng có váng nổi lên. Nguồn nước mặt cũng không tránh khỏi tình trạng ô nhiễm, do suối bị khai thác với khối lượng quá lớn bằng phương tiện máy móc hiện đại nên đã gây vẩn đục và xăng dầu cũng làm nhiễm bẩn nguồn nước, ảnh hưởng đến chất lượng nước trong sản xuất và sinh hoạt.

Những thay đổi về tập quán sử dụng nước sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp của người Ê-đê tại xã Ea H'đinh, huyện Cư M'gar, tỉnh Đăk Lăk là điều tất yếu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, cần đánh giá ưu điểm và những hạn chế mà những thay đổi đó tác động tới văn

hoá và môi trường để rút ra các bài học cần thiết. Sự phát triển bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên của một quốc gia bắt nguồn từ sự bền vững tài nguyên của mỗi vùng, trong mối liên hệ mật thiết với văn hoá và môi trường. Từ những kết quả nghiên cứu cụ thể tại xã Ea H'đinh, trong quá trình phát triển, chúng tôi nhận thấy phải làm sao vừa mở rộng trồng cây công nghiệp lại vừa bảo đảm nguồn nước để phục vụ lâu dài cho cuộc sống của cư dân Ê-đê và Tây Nguyên. Việc khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên nước tại Tây Nguyên phải có kế hoạch cụ thể, tránh tình trạng khai thác ồ ạt, phục vụ cho những lợi ích kinh tế trước mắt, cũng như việc lạm dụng phương tiện kỹ thuật hiện đại trong khai thác nước để không dẫn đến tình trạng cạn và ô nhiễm nguồn nước ngầm. Mặt khác, nên khôi phục lại những tập quán, các nghi lễ liên quan đến việc bảo vệ nguồn nước, đặc biệt là nghi lễ cúng thần nước và cúng bến nước; thông qua những hoạt động văn hoá tinh thần này để nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân đối với việc bảo vệ nguồn nước. Nên xây dựng những điều khoản về quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên nước trên cơ sở kết hợp nhuần nhuyễn những quy định mang tính luật tục của cộng đồng và luật pháp của Nhà nước.

Chú thích

1. Phòng thống kê huyện Cư M'gar- Niên giám thống kê năm 1999.
2. Bế Viết Đăng, Chu Thái Sơn, Vũ Thị Hồng, Vũ Đình Lợi. *Đại cương về dân tộc Ê-đê, Mnông ở Đắk Lắk*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1982, tr. 61.

3. Bế Viết Đăng, Chu Thái Sơn, Vũ Thị Hồng, Vũ Đình Lợi. *Đại cương về dân tộc...* Sdd, tr. 83.
4. *Số liệu thống kê xã Ea H'đinh*, năm 2000.
5. *Số liệu thống kê xã Ea H'đinh*, năm 2000.
6. Cửu Long Giang - Toan Ánh. *Cao Nguyên Miền Thượng*, Sài Gòn 1974, tr. 68.
7. Cửu Long Giang-Toan Ánh. Sdd, tr. 68.
8. Phan Quốc Sùng. *Cà phê Việt Nam niềm tự hào của cả nước*, Tạp chí Người đại biểu nhân dân- Cà phê Việt Nam tiềm năng và triển vọng, Nxb. Nông Nghiệp, TP. Hồ Chí Minh, 1997, tr. 22.
9. Phòng thống kê huyện Cư M'gar- Niên giám thống kê năm 1999.
10. *Số liệu thống kê xã Ea H'đinh*, năm 2000.
11. Phòng thống kê huyện Cư M'gar- Niên giám thống kê năm 1999.
12. Y Luyện Niê Kđăm. *Tỉnh Đắk Lắk và Tổng công ty cà phê Việt Nam trong sự nghiệp phát triển ngành cà phê và xây dựng nông thôn mới*, Tạp chí Người đại biểu nhân dân- Cà phê Việt Nam tiềm năng và triển vọng, NXB Nông Nghiệp, TP. Hồ Chí Minh, 1997, tr. 18.
13. Lê Huy Ngọ. *Sự phát triển nông nghiệp và nông thôn miền núi*, trong *Các dân tộc thiểu số Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 130.
14. Lê Duy Đại. *Môi trường miền núi, quá trình bảo vệ khai thác, sử dụng và biến đổi* trong *Các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Sdd, tr 411.